TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 9 - 2017
V/v tranh chấp: hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tập, Cán bộ hưu trí phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

2. Bà Vũ Thị Xuyến, Chủ tịch Mặt trận tổ quốc phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Xuân Kiêu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2017/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm: 1977; địa chỉ: tổ 25, khu 7, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá V, sinh năm: 1976; địa chỉ: tổ 2, khu 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Bá V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 11/01/1995 tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh V ở tổ 2 khu 1 phường Trưng Vương thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh. Đầu năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều thừa nhận nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về kinh tế, chị T về nhà bố mẹ đẻ ở phường Quang Trung, thành phố Uông Bí ở, sau đó thuê nhà ở phường Nam Khê thành phố Uông Bí sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Về

con chung: Chị T và anh V có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N sinh ngày 20/4/1996 (đã thành niên) và cháu Nguyễn Thị N1 sinh ngày 24/7/2003 hiện nay đang ở với anh Vương tại phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Về tài sản chung: không có; đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của chị T: Về quan hệ hôn nhân: Chị thừa nhận quá trình kết hôn và chung sống với anh V như nội dung trên. Hai vợ chồng sống ly thân đã 04 năm. Trong thời gian sống ly thân, chị đã có con riêng với người khác (sinh ngày 10/8/2016) và chị đang nuôi dưỡng. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng với anh V không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: Chị yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị N1 và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh V: Tại bản tự khai ngày 28/4/2017 và tại phiên tòa, anh V thừa nhận quá trình kết hôn, chung sống và có 02 con chung với chị T là đúng. Theo anh, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa, vì vậy anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: quan điểm của anh là muốn nuôi cháu N1 và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh có nhà riêng từ lâu và đang làm nghề "xe ôm" tại thành phố Uông Bí nên có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con.

Quan điểm của cháu Nguyễn Thị N1: Tại các biên bản lấy lời khai ngày 03 và 21 tháng 7 năm 2017, cháu Nga có ý kiến: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn được ở với bố.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, bà Phùng Thị Lệ H là Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ khu 1 phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - nơi chị T và anh V đã từng sinh sống cho biết: Quá trình kết hôn và chung sống giữa chị T và anh V như nội dung nêu trên là đúng sự thật. Theo bà, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau là do làm ăn kinh tế. Chị T không quan tâm đến gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chi hội phụ nữ đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Hiện tại, con thứ nhất đi làm xa nhà, con thứ hai vẫn đang ở với anh V.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

Về quan điểm giải quyết vụ án:

1) Có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn;

2) Giao con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con;

3) Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng**: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung**:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V có đủ điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo tổ chức tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Xét thấy: tình cảm vợ chồng và quan hệ hôn nhân có đạt được hay không phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng hai bên sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm đến nhau nữa, thực tế đời sống vợ chồng không tồn tại, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng đều nhất trí ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai vợ chồng là phù hợp với thực tế hiện nay và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh V có 02 con chung. Con lớn đã thành niên, có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình nên Hội đồng xét xử không giao cho người nuôi dưỡng. Còn con nhỏ đang ở với anh V ổn định từ trước đến nay. Hai vợ chồng đều là lao động tự do, nhưng anh V có nhà ở ổn định, chị T phải thuê nhà ở để sinh sống. Mặt khác, chị T đã sống ly thân và có con riêng với người khác. Theo nguyện vọng của cháu N1 muốn được ở với bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con mới đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của con. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc một bên không đủ điều kiện nuôi con thì bên kia vẫn có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Không có; đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật

tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Trương Thị T.

1. Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Bá V.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị N1, sinh ngày 24/7/2003 cho anh Nguyễn Bá V trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

2.3 Chị Trương Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.4. Chị Trương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

2.5. Sau khi ly hôn, các bên vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Thị T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001823 ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị Trương Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- UBND P. Quang Trung, TP. Uông Bí, T. Quảng Ninh;
- Đương sự;
- VKSND TP. Uông Bí;
- THADS TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HS; TA.

Nguyễn Thành Lâm